

Số: /QĐ-TĐHHN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Hướng dẫn lập mã số đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hỗ trợ kinh phí do viên chức, người lao động thực hiện và mã số đề tài nghiên cứu khoa học do người học thực hiện

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCHN ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Ban hành một số bảng phân loại thống kê khoa học và công nghệ và đính chính theo Quyết định số 37/QĐ-BKHCHN ngày 14/01/2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đính chính Quyết định 12/2008/QĐ-BKHCHN;

Căn cứ Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế xét tặng Giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho giảng viên trẻ và sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 334/NQ-HĐTĐHHN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐTĐHHN ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn lập mã số đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hỗ trợ kinh phí do viên chức, người lao động thực hiện và mã số đề tài nghiên cứu khoa học do người học thực hiện tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Phó hiệu trưởng;
- Website Trường;
- Lưu: VT, KHCN&HTQT.VNG.

HIỆU TRƯỞNG**Hoàng Anh Huy**

HƯỚNG DẪN
LẬP MÃ SỐ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ HỖ TRỢ
KINH PHÍ DO VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG THỰC HIỆN
VÀ MÃ SỐ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC DO
NGƯỜI HỌC THỰC HIỆN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

Nhằm chuẩn hóa các thủ tục hành chính và quy định về hoạt động khoa học và công nghệ do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (sau đây viết tắt là ‘Nhà trường’) quản lý; đồng thời hệ thống hóa các loại hình đề tài nghiên cứu khoa học theo hướng phân loại theo lĩnh vực đào tạo và ngành đào tạo phục vụ cho công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học và đánh giá các chương trình đào tạo, giúp các khoa, bộ môn định hướng nghiên cứu theo lĩnh vực và ngành đào tạo mà đơn vị quản lý, từ đó sẽ nâng cao hiệu quả của hoạt động nghiên cứu cũng như đạt được mục tiêu đào tạo của Nhà trường, Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Hướng dẫn lập mã số đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hỗ trợ kinh phí do viên chức, người lao động thực hiện và mã số đề tài nghiên cứu khoa học do người học thực hiện như sau:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hỗ trợ kinh phí do viên chức, người lao động thuộc Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thực hiện.

Đề tài nghiên cứu khoa học do người học đang học tập tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thực hiện.

Điều 2. Lập mã số cho các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hỗ trợ kinh phí do viên chức, người lao động thực hiện

2.1. Nguyên tắc lập mã số đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hỗ trợ kinh phí do viên chức, người lao động thực hiện

Mã số của mỗi đề tài nghiên cứu khoa học gồm 04 thông tin; Mỗi thông tin được trình bày tách nhau bằng dấu chấm (.), viết liền không cách; Cuối mỗi mã không có dấu chấm (.); Các thông tin được sắp xếp trên cùng một dòng theo thứ tự:

[HUNRE.Năm thực hiện đề tài.Mã số lĩnh vực đào tạo.Thứ tự đề tài theo lĩnh vực]

Các thông tin được hiểu như sau:

+) HUNRE: là từ viết tắt tên tiếng Anh của Nhà trường

+) Năm thực hiện đề tài: được thể hiện bằng số, tương ứng năm đề tài thực hiện.

+) Mã số lĩnh vực đào tạo: được lấy theo số thứ tự các lĩnh vực đào tạo quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học. Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

+) Thứ tự của đề tài theo lĩnh vực: là số có ít nhất hai chữ số và được cấp khi thuyết minh của đề tài được Nhà trường phê duyệt thực hiện.

2.2. Ví dụ minh họa

HUNRE.2025.03.09

Mã số trên được hiểu:

+) HUNRE: là từ viết tắt tên tiếng Anh của Nhà trường

+) 2025: là năm đề tài thực hiện

+) 03: lĩnh vực Nhân văn

+) 09: là số thứ tự của đề tài lĩnh vực Nhân văn do Nhà trường chủ trì và viên chức, người lao động thực hiện năm 2025

Điều 3. Lập mã số cho các đề tài nghiên cứu khoa học do người học thực hiện

3.1. Nguyên tắc lập mã số đề tài nghiên cứu khoa học do người học thực hiện

Mã số của mỗi đề tài nghiên cứu khoa học do người học thực hiện gồm 05 thông tin; Mỗi thông tin được trình bày tách nhau bằng dấu chấm (.), viết liền không cách; Cuối mỗi mã không có dấu chấm (.); Các thông tin được sắp xếp trên cùng một dòng theo thứ tự:

[HUNRE.NH.Năm thực hiện đề tài.Mã số lĩnh vực đào tạo.Thứ tự đề tài theo lĩnh vực]

Các thông tin được hiểu như sau:

+) HUNRE: là từ viết tắt tên tiếng Anh của Nhà trường

+) NH: là các chữ cái đầu tiên của từ “NGƯỜI HỌC”.

+) Năm thực hiện đề tài: được thể hiện bằng số, tương ứng năm đề tài được phê duyệt thực hiện.

+) Mã số lĩnh vực đào tạo: được lấy theo số thứ tự các lĩnh vực đào tạo quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học. Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

+) Thứ tự của đề tài theo lĩnh vực: là số có ít nhất hai chữ số và được cấp khi thuyết minh của đề tài được phê duyệt.

3.2. Ví dụ minh họa

HUNRE.NH.2024.06.18

Mã số trên được hiểu:

- +) HUNRE: là từ viết tắt tên tiếng Anh của Nhà trường
- +) NH: là các chữ cái đầu tiên của từ “NGƯỜI HỌC”
- +) 2024: là năm đề tài của người học được phê duyệt thực hiện
- +) 06: lĩnh vực Kinh doanh và quản lý
- +) 18: là số thứ tự của đề tài lĩnh vực Kinh doanh và quản lý do Nhà trường chủ trì và người học thực hiện bắt đầu từ năm 2024

Điều 4. Tổ chức thực hiện

4.1. Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế

Hướng dẫn các đơn vị, cá nhân thuộc Nhà trường triển khai việc lập mã số cho các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hỗ trợ kinh phí do viên chức, người lao động thuộc Nhà trường thực hiện và đề tài nghiên cứu khoa học do người học đang học tập tại Nhà trường thực hiện.

Kiểm tra và chịu trách nhiệm về độ chính xác mã số của các đề tài nghiên cứu khoa học trước khi trình lãnh đạo Nhà trường phê duyệt.

4.2. Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Nhà trường

Phổ biến Hướng dẫn lập mã số đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hỗ trợ kinh phí, đề tài nghiên cứu khoa học của người học đến viên chức, người lao động và người học của đơn vị để biết và thực hiện.

Chủ động thống kê, sắp xếp số lượng đề tài theo thứ tự các ngành, chuyên ngành đào tạo của đơn vị phục vụ đánh giá các chương trình đào tạo và các hoạt động khác có liên quan.

**PHỤ LỤC. BẢNG THỐNG KÊ LĨNH VỰC ĐÀO TẠO, MÃ SỐ VÀ
CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

Lĩnh vực đào tạo (*)	Ngành đào tạo thuộc lĩnh vực đào tạo (**)	Mã số lĩnh vực đào tạo (***)
Nhân văn	Triết học Chủ nghĩa xã hội khoa học Cơ sở văn hóa Việt Nam	03
	Ngôn ngữ Anh	
Khoa học xã hội và hành vi	Kinh tế chính trị Lịch sử Đảng Tư tưởng Hồ Chí Minh	04
Kinh doanh và quản lý	Marketing Bất động sản Kế toán Kiểm toán Quản trị kinh doanh Kinh doanh quốc tế Kinh doanh thương mại Thương mại điện tử Tài chính ngân hàng Công nghệ tài chính Kinh tế số	06
Pháp luật	Luật	07
Khoa học sự sống	Công nghệ sinh học Kỹ thuật sinh học Sinh học ứng dụng	08
Khoa học tự nhiên	Vật lý học Hóa học Khoa học vật liệu Khoa học môi trường Địa chất học Khí tượng và khí hậu học Thủy văn học Bản đồ học Địa lý tự nhiên Hải dương học	09
Toán và thống kê	Toán học (Toán ứng dụng; Toán cơ; Toán tin) Thống kê	10

Lĩnh vực đào tạo (*)	Ngành đào tạo thuộc lĩnh vực đào tạo (**)	Mã số lĩnh vực đào tạo (***)
Máy tính & công nghệ thông tin	Máy tính Công nghệ thông tin	11
Công nghệ kỹ thuật	Công nghệ kỹ thuật hóa học Công nghệ vật liệu Công nghệ kỹ thuật môi trường Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	12
Kỹ thuật	Kỹ thuật điện tử - viễn thông Kỹ thuật trắc địa - bản đồ Kỹ thuật địa chất Kỹ thuật tài nguyên nước	13
Sản xuất và chế biến	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	14
Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	Du lịch Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Quản trị khách sạn	20
Môi trường và bảo vệ môi trường	Quản lý tài nguyên và môi trường Kinh tế tài nguyên thiên nhiên Quản lý đất đai Quản lý biển Quản lý tài nguyên nước Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.	22
Lĩnh vực khác		24

(*) Lĩnh vực đào tạo được quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT, 05/02/2024

(**) Ngành đào tạo được quy định tại Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT, 06/06/2022

(***) Mã số lĩnh vực đào tạo được lấy theo số thứ tự lĩnh vực đào tạo quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT, 05/02/2024